**TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN**

**TỔ NGỮ VĂN**

 **MÔN NGỮ VĂN, KHỐI 8**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

 - Hồ Chí Minh-

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc**

- HS đọc văn bản

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả: Hồ Chí Minh**

- Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung (19/5/1890 - 2/9/1969).

- Quê: Xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Người là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc VN, Danh nhân văn hóa thế giới…

**b. Tác phẩm**

- Xuất xứ:

+ Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay).

+ Tên bài do người soạn sách đặt.

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Biểu hiện lòng yêu nước của nhân dân ta.**

- Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, *kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước*.

**2. Luận đề, luận điểm và mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm**

- Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.

- Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc.

- Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm (PHT số 1).

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc.

**2. Nghệ thuật:**

- Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích; lập luận chặt chẽ; dẫn chứng toàn diện, chọn lọc tiêu biểu theo các phương diện: lứa tuổi, tầng lớp, vùng miền,...

- Sử dụng phép so sánh, liệt kê, từ ngữ gợi hình ảnh: làn sóng, lướt qua,... và câu văn nghị luận hiệu quả.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐẢO NGỮ VÀ CÂU HỎI TU TỪ**

**Đảo ngữ: Đặc điểm, tác dụng**

 **Câu hỏi tu từ: Đặc điểm, tác dụng**

**I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**1. Đảo ngữ: Đặc điểm, tác dụng**

Đảo ngữ là biện pháp tu từ thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm giàu âm hưởng.

**2. Câu hỏi tu từ: đặc điểm, tác dụng**

Là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:**

a. Đảo ngữ “lòng nồng nàn yêu nước”. Cơ sở xác định. Có sự thay đổi vị trí của từ “nồng nàn” trong cụm từ “lòng nồng nàn yêu nước.

b. Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ. Cơ sở xác định. Có sự thay đổi vị trí thành phần câu: vị ngữ đứng trước chủ ngữ. Tác dụng. Nhấn mạnh các hình ảnh thơ, làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.

**Bài tập 2:**

a. Câu hỏi tu từ: “Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?”.

b. Tác dụng: Lên án hành động bạo ngược của giặc ngoại xâm và thể hiện thái độ phản kháng quyết liệt của tác giả.

**Bài tập 3:**

Câu hỏi tu từ. Cơ sở xác định: Mục đích của câu hỏi này là bộc lộ tình cảm yêu mến của người viết dành cho cốm làng Vòng.

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**CHẠY GIẶC**

 **Nguyễn Đình Chiểu**

**I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**1. Đọc**

- HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc, ngắt nhịp, gieo vần. Hình thành kĩ năng đọc tưởng tượng, suy luận.

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), sinh ra tại quê mẹ - làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).

- Cuộc đời gặp nhiều bất hạnh, mất mát.

**b. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh ra đời: bài thơ ra đời năm 1859, khi thực dân Pháp tấn công thành Gia Định

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú luật Đường

- Bố cục:

+ Sáu câu đầu: Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược.

+ Hai câu cuối: Tâm trạng, thái độ của tác giả

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu về bố cục, một số yếu tố thi luật của bài thơ**

a. Bố cục: Bốn phần: đề – thực – luận – kết.

+ Đề (câu 1 – 2): giới thiệu tình hình đất nước bị giặc Tây xâm lược.

+ Thực (câu 3 – 4): khắc hoạ chi tiết khung cảnh loạn lạc.

+ Luận (câu 5 – 6): nhìn vấn đề trong một bối cảnh rộng hơn, sâu sắc hơn.

+ Kết (câu 7 – 8): tình cảm yêu nước, thương dân, lo lắng cho vận mệnh đất nước.

**b. Một số yếu tố về thi luật**

- Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng:

+ Số câu: 8.

+ Số chữ trong câu: 7.

+ Niêm: Chữ thứ hai câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 8 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai câu 3 cũng là “bằng”, chữ thứ hai câu 4 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 5 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 6 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 7 cũng là “bằng”.

- Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (Tây – tay – bay – mây – này).

- Đối: Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.

- Nhịp: 2/2/3 ở các câu 1, 3, 4, 5, 6 và nhịp 4/3 ở các câu 2, 7, 8 tạo được cảm xúc dồn dập, biến đổi.

=> Kết luận: Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, vần của một bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng theo luật Đường.

**2. Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.**

**a. Hình ảnh chạy giặc của người dân (6 câu đầu)**

**\* Hai câu đề**

 *Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây*

 *Một bàn cờ thế phút sa tay*

- Giặc đến:

+ Thời điểm: Tan chợ là thời khắc hướng về sự đoàn viên, sum họp, quây quần.

+ Âm thanh: Súng Tây à lần đầu tiên xuất hiện trong văn học à gợi sự tàn bạo, hủy diệt hàng loạt.

→ Sự hoảng loạn, kinh hoàng của con người trước âm thanh ghê rợn, gây tàn sát trong thời điểm không ngờ tới.

- Đất nước: bàn cơ thế/phút/sa tay

→ Tình thế bất ngờ, thất thế, mất chủ động

🡪 Giặc đến phá tan cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào tình trạng nguy ngập.

**\* Hai câu thực**

 *Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy*

 *Mất ổ bầy chim dáo dác bay*

- “Bỏ nhà”, “lơ xơ chạy”, “mất ổ”, “dáo dác bay” → sự tan nát, tán loạn, hãi hùng

- “Lũ trẻ”, “đàn chim” → hai hình ảnh điển hình cho nỗi đau thương của nhân dân.

- Nghệ thuật đảo ngữ nhấn mạnh: bỏ nhà, mất ổ → tạo nỗi ám ảnh bi thương về cảnh chạy giặc của dân làng.

🡪 Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân.

**\* Hai câu luận**

 *Bến Nghé của tiền tan bọt nước*

 *Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây”*

- Các địa danh nổi tiếng: Bến Nghé của tiền → tan bọt nước; Đồng Nai tranh ngói → nhuốm màu mây.

→ Cảnh trù phú, sầm uất, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang khi giặc đến.

🡺 Như vậy, sáu câu thơ với hình ảnh chân thực, tiêu biểu đã vẽ lại toàn cảnh quê hương khi giặc đến. Một cuộc sống an bình không còn, thay vào đó là sự tan hoang, đau thương.

**\* Tâm trạng, thái độ của tác giả (hai câu kết)**

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,*

 *Nỡ để dân đen mắc nợ này?*

*- Từ ngữ*

*+ Trang dẹp loạn: những người có tài, có đức, có khả năng gách vác, đối phó chống giặc ngoại xâm*

*+ Dân đen: Những người dân thường nhỏ bé, là nạn nhân của chiến tranh.*

- Câu hỏi tu từ *🡪 nhấn mạnh lời khẩn cầu đất nước cần người có trách nhiệm đứng ra gánh vác, đối phó với ngoại xâm.*

- Tâm trạng của tác giả .

+ Sự lo lắng, thương xót cho người dân và vận mệnh đất nước.

+ Sự thất vọng đối với triều đình, trông đợi sự xuất hiện của những người có khả năng giúp nước.

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

Tâm trạng đau buồn, xót thương trước cảnh nước mất nhà tan. Qua đó thể hiện lòng yêu nước, căm thù giặc của tác giả.

**2. Nghệ thuật:**

- Tả thực kết hợp với khái quát, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh.

- Biện pháp đối lập, câu hỏi tu từ.

**VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

Gợi ý:

- Ngày chủ nhật xanh dọn dẹp khu phố

- Hoạt động tắt đèn hưởng ứng *Giờ Trái Đất*

- Thăm và chăm sóc *Mẹ Việt Nam anh hùng*

- Chế tạo vật dụng từ rác thải nhựa,…

- Tham gia bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc như: chèo, tuồng, cải lương,…

- Thiết kế Poster hoặc vẽ tranh về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

- thiết kế thiệp xuân tặng các chú bộ đội.

**I. Tri thức về kiểu bài**

***1. Kiểu bài***

Kể lại một hoạt động xã hội.

***2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản***

***\**** Kể theo ngôi thứ nhất

\* Những thông tin nào cần có:

- Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội (Đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,…)

- Kể lại trình tự hoạt động.

\* Sắp xếp các thông tin theo bố cục:

Mở bài: Giới thiệu hoạt động sẽ kể

Thân bài: Nêu các thông tin cần có trên

Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của hoạt động. Nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia.

( Sử dụng những *từ ngữ liên kết* như: đầu tiên, sau đó, thế rồi, cuối cùng, … nhằm thể hiện trình tự của các sự việc.)

\*Kết hợp kể với miêu tả và biểu cảm.

**II. Tiêu chí đánh giá**

**III. Thực hành**

**Đề bài:** Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Trong bài viết có kết hợp kể với hai yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

**-** Xác định hoạt động xã hội

- Xác định mục đích: Để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính mình,…

- Nội dung và cách viết:

+ Thông tin và diễn biến hoạt động, ý nghĩa và suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

+ Nên chọn cách diễn đạt trang trọng, chân thành, nhiệt huyết.

- Thu thập tư liệu trên các nguồn tham khảo uy tín: trang Wed chính thức của hoạt động hoặc đơn vị tổ chức.

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

**a. Tìm ý (PHT số 1)**

**b. Lập dàn ý (PHT số 2)**

**Bước 3: Viết bài**

- Viết bài dựa trên cơ sở dàn ý.

- Kết hợp kể với miêu tả và biểu cảm.

- Sử dụng những *từ ngữ liên kết* như: đầu tiên, sau đó, thế rồi, cuối cùng, … nhằm thể hiện trình tự của các sự việc.

**Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.**

- Xem lại và chỉnh sửa.

+ Sau khi viết xong, hs tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh theo bảng kiểm.

+ Chỉnh sửa bài viết.

- Rút kinh nghiệm.